

Số: 204/TB-BVTT

Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

*Về việc ký kết hợp đồng mua sắm thuốc phục vụ tại Nhà thuốc Bệnh viện
Tâm thần thành phố Cần Thơ năm 2025*

Căn cứ quyết định số 94/QĐ-BVTT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt danh mục thuốc và danh sách đơn vị cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ;

Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ trân trọng thông báo tới Quý công ty thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm thuốc phục vụ tại Nhà thuốc Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ năm 2025 (Đính kèm danh sách Công ty và danh mục mua sắm thuốc).

Kính mời Công ty đến Bệnh viện ký kết hợp đồng tại Nhà thuốc Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Nhà thuốc Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ. (DS. Võ Đức Anh, SĐT: 0939 708 728)

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, NTB.



BSCKII. Võ Cảnh Sinh



**DANH SÁCH CÔNG TY CUNG CẤP THUỐC TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN
TÂM THẦN THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025**

*(Đính kèm thông báo số: 204/TB-BVTT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của
Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ)*

STT	Tên công ty	Số mặt hàng
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	22
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	7
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN	1
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	4
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE	2
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	1
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	3
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO	3
9	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL	3
10	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH CHÂU	1
11	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN LONG	3
12	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM	1
13	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĨNH ĐẠT	1
14	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIPHA	1
15	CÔNG TY TNHH MTV DP NHƯ TÂM	4
16	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN	1
17	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE	12
Tổng cộng:		70

**DANH MỤC THUỐC TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025**

(Đính kèm thông báo số: 204/TB-BVTT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
1	Alpha chymotrypsin	ALPHA-SK	N4	4200 IU	Uống	Viên nén phân tán	893110071800 (SDK cũ: VD-31842-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Viên	1.490	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIPHA
2	Amisulpirid	AUMIRID 200	N4	200mg	Uống	viên	VD-31755-19	Công ty cổ phần dược phẩm Medisun	Việt Nam	viên	13.000	CÔNG TY TNHH MTV DP NHƯ TÂM
3	Amisulprid	Nesulix	N2	200 mg	Uống	Viên nén	VD-21204-14 (893110011400)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	6.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
4	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin 25mg	N2	25mg	Uống	Viên nén bao phim	893110307424	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
5	Betahistine dihydrochloride	Serc 8mg Tablets 4x25's	N1	8mg	Uống	Viên nén	VN-17207-13	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	1.701	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
6	Carbamazepine	Tegretol 200mg 5x10	N2	200mg	Uống	Viên nén	VN-18397-14	Novartis Farma S.p.A.	Ý	Viên	1.554	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
7	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	REAGILA 1.5 MG	BD, 1	1,5mg	Uống	Viên nang cứng	VN3-369-21	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	60.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
8	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	REAGILA 3 MG	BD, 1	3mg	Uống	Viên nang cứng	VN3-370-21	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	66.667	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
9	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	REAGILA 4.5MG	BD, 1	4,5mg	Uống	Viên nang cứng	VN3-371-21	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	70.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
10	Clorpromazin hydroclorid	Aminazin 25mg	N2	25mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-24680-16 (893115138424)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	210	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
11	Clozapin	Lepigin 100	N2	100mg	Uống	Viên nén	893110040323	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
12	Diazepam	Seduxen 5 mg	N1	5mg	Uống	Viên nén	599112027923 (VN-19162-15)	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên	1.260	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
13	Donepezil	Donepezil ODT 5	N2	5mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	893110317424 (VD-29105-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	4.090	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
14	Donepezil	Donepezil ODT 5	N4	5mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	893110317424 (VD-29105-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	4.090	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
15	Donepezil HCl 10 mg	Lupipezil 10	N2	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	890110009124	Jubilant	Ấn Độ	Viên	5.500	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
16	Donepezil HCl 5 mg	Lupipezil 5	N2	5 mg	Uống	Viên nén bao phim	890110009224	Jubilant	Ấn Độ	Viên	4.488	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
17	Escitalopram (dưới dạng escitalopram oxalat)	Eslo-10	N2	10mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-19472-15	Hetero	Ấn Độ	Viên	5.500	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
18	Escitalopram (dưới dạng escitalopram oxalat)	Eslo-20	N2	20mg	Uống	Viên nén bao phim	890110013924	Hetero	Ấn Độ	Viên	11.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
19	Esomeprazole (dưới dạng vi hạt tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium dihydrate (8,5% Esomeprazole))	Ameprazec 20	N4	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa hạt bao tan trong ruột	893110220000 (VD-31811-19)	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	5.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN LONG
20	Fenofibrate	LIPANTHYL 200M CAPSULES 2X15'S	BDG	200mg	Uống	Viên nang cứng	VN-17205-13	Astrea Fontaine	Pháp	Viên	7.053	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
21	Fluoxetin	Nufotin	N2	20mg	Uống	Viên nang cứng	VD-31043-18 (893110584124)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1.890	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
22	Fluvoxamin maleat	Luvox 100mg Tablets 2x15's	N1	100mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-17804-14	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	6.570	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
23	Gabapentin	Neurobrain 300	N4	300mg	Uống	Viên nang cứng	893110891124 (VD-18330-13)	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	7.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN LONG

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
24	Gabapentin	Leer Plus	N4	300mg	Uống	Viên nén sủi bọt	893110076400 (VD-25406-16)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm SPM	Việt Nam	Viên	5.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH CHÂU
25	Ginkgo biloba leaf extract	TEBURAP SOFTCAP	N2	120mg	Uống	Viên nang mềm	VN-19312-15	Dongkoo Bio&Pharma.Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	6.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
26	Haloperidol	Haloperidol 2 mg	N2	2 mg	Uống	Viên nén	VD-18188-13 (893110426424)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	180	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
27	Haloperidol	Haloperidol 1,5 mg	N2	1,5 mg	Uống	Viên nén	VD-24085-16. Gia hạn đến 30/12/2027. SỐ QĐ 854/QĐ-QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	260	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
28	Lá sen, Lá Vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ.	Mimosa viên an thần	N3	180mg, 600mg, 600mg, 150mg, 638mg.	Uống	Viên bao phim	VD-20778-14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Viên	1260	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
29	Lamotrigine	Lamictal Tab 25mg 30's	N2	25mg	Uống	Viên nén	590110019125 (VN-22149-19)	Delpharm Poznań S.A.	Ba Lan	Viên	4.900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
30	Levetiracetam	Letram-250	N2	250 mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-18902-15	Hetero	Ấn Độ	Viên	4.500	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
31	Levetiracetam	KEPPRA TAB 250MG 3x10'S	N2	250mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-22526-20	UCB Pharma S.A	Bỉ	Viên	7.967	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
32	Levomepromazin (dưới dạng levomepromazin maleat 33,78 mg)	Levomaz 25	N2	25mg	Uống	Viên nén bao phim	893110448423	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
33	Magnesium lactat dihydrat; Pyridoxin HCl	Magnesi - B6	N2	470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-27702-17 (893110307724)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
34	Methylphenidate	Medikinet MR 10mg capsules	N1	10mg	Uống	Viên nang giải phóng biến đổi	400112029223 (VN3-153-19)	MEDICE Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Đức	Viên	21.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
35	Methylphenidate	Medikinet MR 20mg capsules	N1	20mg	Uống	Viên nang giải phóng biến đổi	400112029323 (VN3-154-19)	MEDICE Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Đức	Viên	34.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
36	Mirtazapin	Aurozapine OD 15	N2	15mg	Uống	Viên nén phân tán	VN-22944-21	Aurobindo	Ấn Độ	Viên	3.288	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
37	Natri valproat	Dalekine	N2	200 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	893114872324	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
38	Natri valproat	Dalekine 500	N2	500 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	893114094423	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.625	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
39	Natri valproat	Dalekine	N4	57,64mg/ml	Uống	Siro	VD-18679-13. Gia hạn đến 21/12/2027. Số QĐ 833/QĐ-QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Chai	80.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
40	Olanzapin	Olanxol	N3	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	893110094623	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.457	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
41	Olanzapin 10mg	Zanobapine	N2	10mg	Uống	Viên nén phân tán	VN-16470-13	Mepro	Ấn Độ	Viên	788	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
42	Oxcarbazepine	Jubl Oxcarbazepine 300mg	N2	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	890114990724	Jubilant	Ấn Độ	Viên	2.700	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
43	Oxcarbazepine	Trileptal 300mg 5x10	N2	300mg	Uống	Viên nén bao phim	800114023925 (VN-22183-19)	Novartis Farma S.p.A.	Ý	Viên	8.064	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
44	Paracetamol + Tramadol	Hi-Tavic	N2	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-21805-14. Gia hạn đến 30/12/2027. Số QĐ 854/QĐ-QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
45	Phenytoin	Phenytoin 100 mg	N4	100 mg	Uống	Viên nén	VD-23443-15 (893110201400)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	315	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
46	Piracetam	Pidoncam	N4	1200mg/5ml	Uống	Siro	893110273200 (VD-34327-20)	Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Ống	9.800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN LONG
47	Piracetam	Criatam	N4	20%/4ml	Uống	Dung dịch uống	893110730024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Gói	4.998	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL
48	Piracetam	AT Cetam 400	N4	400mg/10ml	Uống	thuốc bột /dung dịch/hỗn dịch	VD-2562-16	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	VN	Ống	4.200	CÔNG TY TNHH MTV DP NHƯ TÂM
49	Piracetam	Neuropyl 800	N2	800mg	Uống	Viên nén bao phim	893110265123	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	550	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
50	Piracetam	Lifecita 800 DT.	N4	800mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-33595-19	Công ty CPDP TW1 Pharbaco	Việt Nam	Viên	4.683	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL
51	Pregabalin	Prega 100	N2	100mg	Uống	Viên nang cứng	890110014124 (VN-19975-16)	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	8.350	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
52	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	Daquetin 100	N2	100 mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-26066-17. Gia hạn đến 21/12/2027. Số QĐ 833/QĐ-QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	11.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
53	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	Daquetin 200	N2	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	893110050324	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	15.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
54	Risperidon	Respiwel 1	N2	1mg	Uống	Viên nén	890110983424	Akums	Ấn Độ	Viên	1.080	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
55	Risperidon	Risdontab 2	N3	2mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-31523-19 (893110872724)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.415	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
56	Risperidon	Risperidon vpc2	N3	2mg	Uống	viên	VD-26131-17	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	VN	viên	2.415	CÔNG TY TNHH MTV DP NHƯ TÂM
57	Risperidone	Rileptid	N1	2mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-16750-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	4.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN
58	Sertralín	Sertrameb 50mg	N4	50mg	Uống	viên	VD-36033-22	Công ty cổ phần dược phẩm sinh học y tế Mebiphar	VN	viên	4.000	CÔNG TY TNHH MTV DP NHƯ TÂM
59	Sertralín (dưới dạng Sertralín hydroclorid)	Aurasert 100	N2	100mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-22286-19	Aurobindo	Ấn Độ	Viên	2.150	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
60	Sertraline (dưới dạng Sertraline hydrochloride)	Clealine 100mg	N1	100mg	Uống	Viên nén bao phim	560110988524 SDK cũ: VN-17678-14	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	Viên	12.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĨNH ĐẠT
61	Sertraline 50mg	Inosert-50	N2	50mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-16286-13	Ipca	Ấn Độ	Viên	1.400	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
62	Sulpirid	Sulpirid 200 mg	N4	200 mg	Uống	Viên nén	VD-18907-13 (893110872824)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	860	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
63	Sulpirid	Sulpirid 50mg	N2	50 mg	Uống	Viên nén	893110139124	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	470	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên công ty
64	Trazodone	Lerfozi 50	N4	50mg	Uống	Viên	893110873524 (VD3-121-21)	Công ty Cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	9.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE
65	Trazodone	Lerfozi 100	N4	100mg	Uống	Viên	893110134823	Công ty Cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	15.935	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE
66	Trihexyphenidyl hydroclorid	Danapha-Trihex 2	N2	2 mg	Uống	Viên nén	893110138624	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
67	Venlafaxin 75mg	Venlift OD 75	N3	75mg	Uống	Viên nang giải phóng kéo dài	890110082623	Torrent	Ấn Độ	Viên	7.800	CÔNG TY TNHH Y-MED HEALTHCARE
68	Vinpocetin	CAVINTON FORTE	BDG	10mg	Uống	Viên nén	VN-17951-14	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	5.460	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
69	Vitamin B6 (Pyridoxin HCl) ; Vitamin PP (Nicotinamid) ; Vitamin B5 (calcium D-pantothenat) ; Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) ; Vitamin B2 (Riboflavin)	B-Coenzyme	N4	10mg, 50mg, 25mg, 15mg, 15mg	Uống	Viên nén bao đường	893100271400 (Hiệu lực) (SDK cũ: VD-33617-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	Viên	4,350	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
70	Zopiclon	Zopinox 7.5	N1	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	475110189123	Joint Stock Company "Grindeks"	Latvia	Viên	2.400	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL